TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày: 23-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 347/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D; giới tính: nam; tên gọi khác: không, sinh năm 1987; nơi sinh: tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Â, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Nguyễn Thị T1; anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo thứ hai; vợ, con: chưa có.

Tiền sự: không; tiền án: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2023.

2. Nguyễn Văn T2; giới tính: nam; tên gọi khác: không, sinh năm 1992; nơi sinh: tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Â, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Nguyễn Thị T1; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo thứ ba; vợ, con: chưa có.

Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 19/10/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số 03/2020/HS-ST; chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/12/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2023.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Thanh L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 1 ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Ngọc L1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi ở: 18 TL 03 phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Phan Nguyễn Phước T3, sinh năm 2000;

Địa chỉ: 225/8 Võ Thành Trang, Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi ở: 47/5 Đông Hưng Thuận 31, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Lê Hoàng Trung H1, sinh năm 1998;

Địa chỉ: 5 G, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở: F6 liên ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 112/24 Bùi Quang Là, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở: F3/28Q1 ấp 6C xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Nguyễn T4, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 3 ấp A, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Hà Tâm L2, sinh năm 1995;

Địa chỉ: 3 Ông Í, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh,

Nơi ở: 196 tổ D, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Trương Thụy Thùy T5, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 32/19/2 Ông Ích Khiêm, phường 14, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở: Tổ 4, ấp 6C, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Đào Văn L3, sinh năm 1990;

Địa chỉ: tổ I ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Phạm Trần Quan N1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: số C N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông Phạm Văn N2, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 2 N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Bà Lê Thị Hồng D1, sinh năm 1974

Địa chỉ: 1/144 Thạch Hòa Khánh, phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp;

Chỗ ở: F4/26L ấp 6C xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đức Phổ, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng;

Nơi ở: F5/5G9 đường số 1, KDC Đồng Danh, ấp 6C, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Ông Cao Thanh S, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 8/15/32 Nguyễn Đình Khơi, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi ở: 266/9 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Ông Nguyễn Bình T6, sinh năm 1985;

Địa chỉ: D đường số B, khu phố A, phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Bà Trương Thị Thu T7, sinh năm 1977;

Địa chỉ: tổ E, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

17. Bà Lê Thị S1, sinh năm 1960;

Địa chỉ: D B chung cư F, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Bà Nguyễn Kim T8, sinh năm 1971;

Địa chỉ: A Quốc Lộ A, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Ông Nguyễn Văn T9, sinh năm 1992;

Địa chỉ: B ấp D, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

20. Bà Hồng Phổ Tường M, sinh năm 1977;

Địa chỉ: A Đ, P.17, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

21. Ông Nguyễn Xuân L4, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

22. Bà Nguyễn Như N3, sinh năm 2000;

Địa chỉ: G Hòa Bình, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

23. Ông Nguyễn Lê Minh T10, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ C, ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương.

24. Ông Lê Phùng Minh Đ, sinh năm 1977;

Địa chỉ: E N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Ông Đỗ Phúc H3, sinh năm 1991;

Địa chỉ: 4 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở: 514 khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

26. Ông Võ Phạm Q, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số C N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

27. Bà Nguyễn Thị Hải Đ1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 1 T, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

28. Ông Phạm Ngọc Hải Đ2, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 9 đường số 5, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở: Số 14 đường số 10, phường Bình Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

29. Ông Phan Quốc T11, sinh năm 1988;

Địa chỉ: 1 T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

30. Bà Phan Kim T12, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 1 T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

31. Bà Đào Thị H4, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 3 T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

32. Bà Phan Thị T13, sinh năm 1961;

Địa chỉ: A T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

33. Bà Nguyễn Thị Minh T14, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 5 đường số I, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

34. Ông Trần Chí T15, sinh năm 1991;

Địa chỉ: 2 tổ A, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

35. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: A P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

36. Bà Tăng Thị Minh Đ3, sinh năm 1967;

Địa chỉ: 2 H, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

37. Bà Huỳnh Thị M2, sinh năm 1963;

Địa chỉ: 2 H, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

38. Bà Lâm Thị S2, sinh năm 1968;

Địa chỉ: B đường số C, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

39. Bà Phạm Thị Ngọc H5, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 48/10 Cô Bắc, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi ở: 243/46/21 Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

40. Bà Nguyễn Thanh Thúy N4, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 4 Quốc lộ A, khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

41. Bà Nguyễn Thị T16, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số E đường C, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

42. Bà Đinh Thị O, sinh năm 1979;

Địa chỉ: B T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

43. Ông Bùi Văn G, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

(Các bị cáo có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, Nguyễn Văn D dùng 500.000.000 đồng cho vay theo hai hình thức: người vay trả lãi mỗi ngày 01% trên tổng số tiền vay cho đến khi trả hết số tiền vay hoặc trả góp tiền vay gốc cùng với tiền lãi là 20% số tiền vay chia đều theo thời gian trả từ 24 đến 70 ngày. D đăng thông tin quảng cáo việc cho vay tiền lên mạng xã hội zalo và để số điện thoại 0963529990 cho người có nhu cầu liên lạc. Khi người có nhu cầu liên lạc, D yêu cầu kết bạn zalo và gửi định vị nơi ở để D đến gặp và kiểm tra thông tin, tình trạng tài chính của người vay rồi mới cho vay tiền. D yêu cầu người vay tự viết giấy vay tiền, thế chấp giấy tờ tùy thân. D sử dụng 03 tài khoản gồm: 060179393983 ngân hàng S4; 6886388888, 12547 cùng ngân hàng A, chủ tài khoản là Nguyễn Văn D để thực hiện các giao dịch.

Tháng 12/2022, D rủ Nguyễn Văn T2 phụ giúp trong việc cho vay và thu tiền lãi. D lo chi phí sinh hoạt và trả công cho T2 5.000.000đồng/tháng.

Ngày 08/6/2023, D điều khiển xe máy biển số 36L10-24931 chở T2 đến nhà ông Trần Thanh L đòi nợ, khi đến trước nhà số A ấp H, xã B, huyện H thì bị Tổ công tác 363 Công an huyện H yêu cầu dừng xe kiểm tra, qua kiểm tra điện thoại

di động của D và T2 có các tin nhắn và dữ liệu liên quan đến việc cho vay tiền nên đưa cả hai về trụ sở Công an huyện làm việc.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của D tại nhà số E đường C, Phường A, quận T, Cơ quan điều tra thu giữ những vật chứng liên quan đến hoạt động cho vay gồm: 01 máy tính xách tay dùng vào việc quảng cáo thông tin cho vay tiền kèm số điện thoại 0963529990 của D, 01 quyển tập học sinh có 11 tờ ghi chép thông tin người cho vay trả tiền trong ngày và 07 cuốn sổ dùng ghi chép thông tin người vay trả tiền góp từng ngày của từng khoản vay; nhiều giấy vay tiền do người vay tự viết cùng bản chính căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân của người vay dùng thế chấp.

Cơ quan điều tra đã xác định được những người vay tiền của D, T2 như sau:

1. Ông Trần Thanh L, từ ngày 23/02/2023 đến 26/3/2023 vay 04 lượt, trong đó có: 03 lượt vay mỗi lượt 20.000.000đồng, trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày 600.000đồng, tổng số tiền phải trả mỗi lượt là 25.200.000đồng, đã trả xong 02 lượt, lượt thứ 03 trả được 16 ngày số tiền 9.600.000đồng; 01 lượt vay số tiền 10.000.000đồng, đã đóng lãi mỗi ngày 100.000đồng, đóng được 20 ngày số tiền 2.000.000đồng. Lãi suất đối với lượt vay 20.000.000đồng là 0,619%/ngày, 225,952%/năm. Đối với khoản vay 10.000.000đồng lãi suất là 01%/ngày, 365%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 14.380.950 đồng, tiền phí vay là 1.000.000đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.205.479 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 13.175.473đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 14.175.473 đồng.

2. Ông Trần Ngọc L1, ngày 21/5/2023 vay số tiền 50.000.000đồng, trả góp trong thời gian 42 ngày, mỗi ngày 1.500.000đồng, tổng số tiền phải trả là 63.000.000đồng. Ông L1 phải trả 2.000.000đồng phí vay tiền, đã trả được 12 ngày tổng số tiền 18.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,952%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 3.714.286 đồng và 2.000.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 328.767đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.385.519 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 5.385.519đồng.

3. Ông Phan Nguyễn Phước T3, ngày 27/5/2023 vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong thời hạn 24 ngày, mỗi ngày 500.000đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000đồng, phí cho vay là 500.000đồng. Ông T3 đã trả được 2.500.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,833%/ngày, 304,045%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 416.667đồng, lãi hợp pháp là 27.397 đồng, lãi bất chính là 389.269 đồng.

4. Ông Lê Hoàng Trung H1, trong tháng 5/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong thời hạn 24 ngày, mỗi ngày 500.000đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000đồng, đã trả xong 01 lượt, lượt thứ hai trả được 17 ngày tổng số tiền 8.500.000đồng. Lãi suất 0,833%/ngày, 304,045%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 3.414.667 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 224.658đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.192.009 đồng.

5. Bà Nguyễn Thị Kim N, từ tháng 5 đến tháng 6/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 15.000.000đồng, phải trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 450.000đồng/ngày tổng số tiền phải trả cho 01 lượt vay là 18.900.000đồng, đã trả xong 01 lượt, lượt thứ hai trả được 02 ngày với số tiền 900.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,952%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 4.085.714 đồng và 700.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 361.643đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.724.071 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 4.424.071đồng.

6. Bà Nguyễn T4, ngày 16/5/2023 vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng. Đã trả được 10 ngày số tiền là 1.500.000đồng, lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,952%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 309.524đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 27.397đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 282.127 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 482.127đồng.

7. Bà Hà Tâm L2, ngày 02/5/2023 vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng. Đã trả được 31 ngày là 4.650.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,952%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 959.524đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 84.932đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 874.592 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.074.592đồng.

8. Bà Trương Thụy Thùy T5, vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 300.000đồng, số tiền phải trả 12.600.000đồng. Lượt thứ nhất vay ngày 25/5/2022, đã trả xong. Ngày 02/5/2023 vay lượt thứ 02, trả được 10 ngày với số tiền 3.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,952%/năm. Thực tế, tổng số tiền lãi thu được là 2.669.048đồng và 500.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 284.932đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.384.116 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 2.099.084đồng.

9. Ông Đào Văn L3, trong năm 2021 vay 02 lượt, lượt thứ nhất số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 100.000đồng, số tiền phải trả 7.000.000đồng, đã trả xong khoản vay này. Lượt thứ 2 vay 10.000.000đồng, trả góp 70 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, chưa trả được ngày nào. Lãi suất cho vay là 0,571%/ngày, 208,5,71%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 2.000.000đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 191.781đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.808.219 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 2.008.219đồng.

10. Bà Phạm Trần Quan N1, từ tháng 3/2023 đến tháng 05/2023, vay 04 lượt, 02 lượt vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 6.000.000đồng, đã trả xong 02 lượt vay này. Lượt thứ 3 vay số tiền 7.000.000đồng trả trong 30 ngày, mỗi ngày 280.000đồng, số tiền

phải trả là 8.400.000đồng, đã trả được 13 ngày, tổng số tiền 3.640.000đồng. 01 lượt vay số tiền 5.000.000đồng, đóng lãi mỗi ngày 50.000đồng, đã trả lãi được 60 ngày, số tiền 3.000.000đồng. Lãi suất cho vay đối với khoản vay trả góp là 0,667%/ngày, 243,455%/năm; đối với khoản vay trả lãi là 1%/ngày, 365%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 5.606.667đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 378.631đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 5.228.036đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 5.428.036đồng.

11. Ông Phạm Văn N2, từ tháng 3/2023 đến tháng 05/2023 vay 02 lượt, lượt thứ nhất vay số tiền 10.000.000đồng trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000đồng, số tiền phải trả 12.000.000đồng. Đã trả xong khoản vay này, lượt thứ 02 vay 15.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 600.000đồng, số tiền phải trả là 18.000.000đồng, đã trả được 09 ngày số tiền 5.400.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 2.900.000đồng và 500.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 238.357đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.661.643 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 3.161.643đồng.

12. Bà Lê Thị Hồng D1, từ tháng 4/2023 đến 06/2023 vay 03 lượt mỗi lượt vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000đồng, số tiền phải trả 12.000.000đồng. Đã trả xong được 02 lần, lượt thứ 03 trả được 05 ngày, số tiền 2.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 4.333.333đồng và 500.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 356.165đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.977.168 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 4.477.168đồng.

13. Bà Nguyễn Thị H2, ngày 26/5/2023 vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000đồng, số tiền phải trả 12.000.000đồng. Đã trả được 10 ngày là 4.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Tiền lãi thu được là 666.667đồng và 500.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 54.795đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 661.872đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.111.872đồng.

14. Ông Cao Thanh S, ngày 23/11/2022 vay số tiền 60.000.000đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 2.500.000đồng, số tiền phải trả là 75.000.000đồng, đã trả được 20 ngày, số tiền là 50.000.0000đồng. Lãi suất cho vay là 0,833%/ngày, 304,045%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 10.000.000đồng và 3.000.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 9.342.466 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 14.342.466đồng.

15. Ông Nguyễn Bình T6, ngày 20/5/2023 vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000đồng, số tiền phải trả 12.000.000đồng. Đã trả được 11 ngày số tiền 4.400.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Số tiền lãi thu được là 733.333đồng và 500.000đồng phí vay, trong

đó tiền lãi hợp pháp là 60.274đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 673.059 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.173.059đồng.

16. Bà Trương Thị Thu T7, ngày 17/3/2023 vay số tiền 15.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 450.000đồng, số tiền phải trả 18.900.000đồng. Đã trả được 30 ngày số tiền 13.500.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Số tiền lãi thu được là 2.785.714đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 246.575đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.539.139 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 2.739.139đồng.

17. Bà Lê Thị S1, từ tháng 5/2023 đến tháng 6/2023 vay 02 lượt, lượt thứ nhất vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 100.000đồng, số tiền phải trả 7.000.000đồng. Đã trả được 30 ngày, số tiền 3.000.000đồng. Lượt thứ 02 vay số tiền 10.000.000đồng, trả trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả là 14.000.000đồng, đã trả được 10 ngày số tiền 2.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,571%/ngày, 208,415%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 1.428.572đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 136.987đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.291.585 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.491.585đồng.

18. Bà Nguyễn Kim T8 ngày 22/4/2023 vay số tiền 8.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 320.000đồng, tổng số tiền phải trả là 9.600.000đồng, đã trả được 05 ngày, số tiền 1.600.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Số tiền lãi thu được là 266.667đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 21.918đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 244.749 đồng.

19. Ông Nguyễn Văn T9, ngày 23/5/2023 vay số tiền 6.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 180.000đồng, số tiền phải trả 7.560.000đồng. Đã trả được 11 ngày là 1.980.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Số tiền lãi thu được là 408.571đồng và 240.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 36.164đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 372.407 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 612.407đồng.

20. Bà Hồng Phổ Tường M, từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023 vay 04 lượt, mỗi lần vay 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 6.000.000đồng. Đã trả xong 03 lượt, lượt thứ 4 trả được 13 ngày số tiền 2.600.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 3.433.333đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 282.192đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.151.141 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 3.351.141đồng.

21. Ông Nguyễn Xuân L4, ngày 06/10/2021 vay số tiền 10.000.000đồng, đóng lãi mỗi ngày số tiền 83.334đồng, đã đóng được 120 ngày, tổng số tiền 10.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 25%/tháng, 300%/năm. Số tiền lãi thu được là

10.000.000đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 9.342.546 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 9.542.546đồng.

22. Bà Nguyễn Như N3, từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 6.000.000đồng. Đã trả xong lượt vay thứ nhất, lượt thứ 02 trả được 3 ngày số tiền 600.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667/ngày, 243,455%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 1.100.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 90.411đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.009.589 đồng.

23. Ông Nguyễn Lê Minh T10, tháng 4/2023 vay 30.000.000đồng, đóng lãi mỗi ngày 250.000đồng, đã trả lãi được 30 ngày số tiền 7.500.000đồng. Lãi suất cho vay là 25%/tháng, 300%/năm. Số tiền lãi thu được là 7.500.000 đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 493.151đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 7.006.849 đồng.

24. Ông Lê Phùng Minh Đ, ngày 28/5/2023 vay 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 6.000.000đồng. Đã trả được 08 ngày số tiền 1.600.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667/ngày, 243,455%/năm. Số tiền lãi thu được là 266.667đồng, không phải đóng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 21.918đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 244.749 đồng.

25. Ông Đỗ Phúc H3, từ tháng 5/2021 đến 6/2021 vay 02 lượt, mỗi lượt số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 14.000.000đồng/lượt vay. Đã trả xong lượt thứ nhất, lượt thứ 2 trả được 24 ngày số tiền 4.800.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,571%/ngày, 208,5,71%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 5.371.429đồng và 500.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 515.069đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 4.856.360 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 5.356.360đồng.

26. Ông Võ Phạm Q, từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2023 vay 03 lượt, mỗi lượt vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 6.000.000đồng. Đã trả xong 02 lượt, lượt thứ 3 trả được 15 ngày số tiền 3.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667/ngày, 243,455%/năm. Số tiền lãi thu được là 2.500.000đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 205.480đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.294.520 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 2.494.520đồng.

27. Bà Nguyễn Thị Hải Đ1, ngày 11/5/2022 vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 14.000.000đồng. Đã trả xong khoản vay này. Lãi suất cho vay là 0,571%/ngày, 208,5,71%/năm. Số tiền lãi thu được là 4.000.000đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp

pháp là 383.562đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.616.438 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 3.816.438đồng.

28. Ông Phạm Ngọc Hải Đ2, từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000đồng, số tiền phải trả 12.000.000đồng. Đã trả xong lượt vay thứ nhất, lượt thứ 2 trả được 18 ngày số tiền 7.200.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Số tiền lãi thu được là 3.200.000đồng và 400.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 263.014đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.936.986 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 3.336.986đồng.

29. Ông Phan Quốc T11, ngày 15/10/2022 vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 100.000đồng, số tiền phải trả 7.000.000đồng. Đã trả được 60 ngày, số tiền 6.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,571%/ngày, 208,415%/năm. Số tiền lãi thu được là 1.714.286đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 164.384đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.549.902 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.749.902đồng.

30. Bà Phan Kim T12, từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2022 vay 02 lượt, lượt thứ nhất vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 100.000đồng, số tiền phải trả 7.000.000đồng. Đã trả được 20 ngày, số tiền 2.000.000đồng. Lượt thứ 02 vay số tiền 10.000.000đồng, trả trong vòng 60 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả là 12.000.000đồng, đã trả được 24 ngày số tiền 4.700.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,571%/ngày, 208,415%/năm đối với khoản vay 5.000.000đồng và 0,333%/ngày, 121,545%/năm đối với khoản vay 10.000.000đồng. Tổng số tiền lãi thu được là 1.354.762đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 183.562đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.170.200 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.371.200đồng.

31. Bà Đào Thị H4, vay 02 lượt, lượt thứ nhất ngày 09/7/2022 số tiền 10.000.000đồng, trả góp 120 ngày, mỗi ngày 100.000đồng, số tiền phải trả 12.000.000đồng. Đã trả được 27 ngày, số tiền 2.700.000đồng. Lượt thứ 02 ngày 21/3/2023 số tiền 5.000.000đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả là 6.000.000đồng, đã trả được 06 ngày số tiền 1.200.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,167%/ngày, 60,955%/năm đối với khoản vay 10.000.000đồng; 0,667%/ngày, 243,455%/năm đối với khoản vay 5.000.000đồng. Tổng số tiền lãi thu được là 650.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 164.383đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 485.617 đồng.

32. Bà Phan Thị T13, ngày 04/4/2022 vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 110.000đồng, số tiền phải trả 5.500.000đồng. Đã trả xong khoản vay. Lãi suất cho vay là 0,2%/ngày, 73%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 500.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 136.987đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 363.014 đồng.

33. Bà Nguyễn Thị Minh T14, ngày 03/5/2023 vay số tiền 3.000.000đồng, trả góp 30 ngày, mỗi ngày 120.000đồng, số tiền phải trả 3.600.000đồng. Đã trả xong khoản vay này. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Số tiền lãi thu được là 600.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 49.315đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 550.685 đồng.

34. Ông Trần Chí T15, từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2023 vay 02 lượt, lượt thứ nhất vay số tiền 7.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 280.000đồng, số tiền phải trả 8.400.000đồng, đã trả xong khoản vay này. Lượt thứ 02 vay số tiền 15.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày mỗi ngày 450.000đồng, đã trả được 14 ngày, số tiền 6.300.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm đối với khoản vay 7.000.000đồng và 0,619%/ngày, 225,935%/năm đối với khoản vay 1.5000.000đồng. Tổng số tiền lãi thu được là 2.700.000đồng và 750.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 230.136đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.469.864 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 3.219.864đồng.

35. Bà Nguyễn Thị M1, từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 5.000.000đồng, lượt thứ nhất trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 6.000.000đồng, đã trả xong khoản vay này. Lượt thứ hai trả trong 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, đã trả được 15 ngày, số tiền 2.250.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm đối với lượt vay thứ nhất và 0,619%/ngày, 225,935%/năm đối với lượt vay thứ hai. Tổng số tiền lãi thu được là 1.464.286đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 123.288đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.340.998đồng.

36. Bà Tăng Thị Minh Đ3, từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 3.000.000đồng trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 120.000đồng, số tiền phải trả 3.600.000đồng, đã trả xong lượt vay thứ nhất. Lượt thứ hai được 26 ngày, số tiền 3.120.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 1.120.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 92.055đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.027.945đồng.

37. Bà Huỳnh Thị M2, từ tháng 3/2023 đến tháng 5/2023 vay 03 lượt, mỗi lượt vay số tiền 5.000.000đồng, lượt thứ nhất trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng, đã trả xong khoản vay này. Lượt thứ 02 và thứ 03 trả trong 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả là 6.000.000đồng đã trả xong lượt thứ 02, lượt thứ 03 trả được 12 ngày, số tiền 2.400.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm đối với lượt vay thứ nhất và 0,667%/ngày, 243,455%/năm đối với lượt vay đối với 02 lượt vay còn lại. Tổng số tiền lãi thu được là 2.700.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 230.137đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.469.863đồng.

38. Bà Lâm Thị S2, ngày 12/3/2023 vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng, đã trả xong khoản vay này. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Số tiền lãi thu được là 1.300.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 115.068đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.184.932đồng.

39. Bà Phạm Thị Ngọc H5, ngày 08/4/2023 vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng, đã trả xong khoản vay này. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Số tiền lãi thu được là 1.300.000đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 115.068đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.384.932đồng.

40. Bà Nguyễn Thanh Thúy N4, từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023 vay 03 lượt, mỗi lượt vay số tiền 30.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 900.000đồng, số tiền phải trả 37.800.000đồng, đã trả xong 02 lượt vay. Lượt thứ 03 trả được 06 ngày, số tiền 5.400.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 16.714.286đồng, phí vay là 1.500.000đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.479.452đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 15.234.834đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 16.734.834đồng.

41. Bà Nguyễn Thị T16 từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng, đã trả xong lượt thứ nhất. Lượt thứ 02 trả được 10 ngày, số tiền 1.500.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 1.609.524đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 142.165đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.467.359đồng.

42. Bà Đinh Thị O, từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng, đã trả xong khoản vay thứ nhất. Lượt thứ 02 trả được 19 ngày, số tiền 2.850.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 1.888.095đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 167.123đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.720.972đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính đối với 42 người vay nêu trên là 139.078.514 đồng đồng.

Ngoài ra, căn cứ vào sổ sách ghi chép của D và T11 còn có: Ông Dương Văn S3, bà Trịnh Thị O1, bà Nguyễn Thị Kim H6, bà Nguyễn Thị Thu D2, ông Nguyễn Văn Q1 và ông Trần T17 vay tiền của D và T11 nhưng Cơ quan điều tra không ghi được lời khai của những người này do không có mặt tại nơi cư trú.

Vật chứng thu giữ:

Xe máy gắn biển số 36L1-24931, số khung RLHJA3929NY-090183, số máy JA39E2587099: Xe do ông Bùi Văn G đứng tên chủ sở hữu. Ông G khai đứng tên

giúp cho người bạn là Quách Ngọc N5, hiện N5 không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa tiến hành làm việc, ghi lời khai được. Nguyễn Văn D khai mua xe của người khác nhưng không làm giấy mua bán, không biết họ tên người bán;

01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, sim 0963529990, 01 máy tính xách tay: Thu giữ của Nguyễn Văn D, dùng vào việc cho vay lãi nặng;

01 điện thoại di động hiệu Oppo A17, số Imel 864821068522410 thu giữ của Nguyễn Văn T2 dùng vào việc liên lạc cho vay và thu tiền lãi;

01 cuốn tập học sinh có 11 tờ ghi chép thông tin người vay tiền, trả tiền trong ngày và 07 cuốn sổ ghi chép thông tin người vay tiền, trả tiền từng ngày của từng khoản vay; 57 giấy vay tiền do người vay tiền tự viết cùng bản photo giấy căn cước công dân hoặc giấy tờ liên quan của người vay tiền dùng thế chấp khi vay tiền;

Số tiền 66.829.959 đồng, trong đó 64.329.959 đồng người vay trả vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn D và 2.500.000đồng là tiền của D mang theo tiêu xài cá nhân.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSH.HM ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T2 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T2 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo D và bị cáo T2 mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận tội danh như cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 2021, Nguyễn Văn D dùng 500.000.000 đồng cho vay theo hai hình thức: người vay trả lãi mỗi ngày 01% trên tổng số tiền vay cho đến khi trả hết số tiền vay hoặc trả góp tiền vay gốc cùng với tiền lãi là 20% số tiền vay chia đều theo thời gian trả từ 24 đến 70 ngày. D đăng thông tin quảng cáo việc cho vay tiền lên mạng xã hội zalo và để số điện thoại 0963529990 cho người có nhu cầu liên lạc. Khi người có nhu cầu liên lạc, D yêu cầu kết bạn zalo và gửi định vị nơi ở để D đến gặp và kiểm tra thông tin, tình trạng tài chính của người vay rồi mới cho vay tiền. D yêu cầu người vay tự viết giấy vay tiền, thế

chấp giấy tờ tùy thân. D sử dụng 03 tài khoản gồm: 060179393983 ngân hàng S4; 6886388888, 12547 cùng ngân hàng A, chủ tài khoản là Nguyễn Văn D để thực hiện các giao dịch giao.

Tháng 12/2022, D rủ Nguyễn Văn T2 phụ giúp trong việc cho vay và thu tiền lãi. D lo chi phí sinh hoạt và trả công cho T2 5.000.000đồng/tháng.

Ngày 08/6/2023, D điều khiển xe máy biển số 36L10-24931 chở T2 đến nhà ông Trần Thanh L đòi nợ, khi đến trước nhà số A ấp H, xã B, huyện H thì bị Tổ công tác 363 Công an huyện H yêu cầu dừng xe kiểm tra, qua kiểm tra điện thoại di động của D và T2 có các tin nhắn và dữ liệu liên quan đến việc cho vay tiền nên đưa cả hai về trụ sở Công an huyện làm việc.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của D tại nhà số E đường C, Phường A, quận T, Cơ quan điều tra thu giữ những vật chứng liên quan đến hoạt động cho vay gồm: 01 máy tính xách tay dùng vào việc quảng cáo thông tin cho vay tiền kèm số điện thoại 0963529990 của D, 01 quyển tập học sinh có 11 tờ ghi chép thông tin người cho vay trả tiền trong ngày và 07 cuốn sổ dùng ghi chép thông tin người vay trả tiền góp từng ngày của từng khoản vay; nhiều giấy vay tiền do người vay tự viết cùng bản chính căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân của người vay dùng thế chấp.

Cơ quan điều tra đã xác định được những người vay tiền của D, T2 như sau:

1. Ông Trần Thanh L, từ ngày 23/02/2023 đến 26/3/2023 vay 04 lượt, trong đó có: 03 lượt vay mỗi lượt 20.000.000đồng, trả góp trong 42 ngày, mỗi ngày 600.000đồng, tổng số tiền phải trả mỗi lượt là 25.200.000đồng, đã trả xong 02 lượt, lượt thứ 03 trả được 16 ngày số tiền 9.600.000đồng; 01 lượt vay số tiền 10.000.000đồng, đã đóng lãi mỗi ngày 100.000đồng, đóng được 20 ngày số tiền 2.000.000đồng. Lãi suất đối với lượt vay 20.000.000đồng là 0,619%/ngày, 225,952%/năm. Đối với khoản vay 10.000.000đồng lãi suất là 01%/ngày, 365%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 14.380.950 đồng, tiền phí vay là 1.000.000đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.205.479 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 13.175.473đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 14.175.473 đồng.

2. Ông Trần Ngọc L1, ngày 21/5/2023 vay số tiền 50.000.000đồng, trả góp trong thời gian 42 ngày, mỗi ngày 1.500.000đồng, tổng số tiền phải trả là 63.000.000đồng. Ông L1 phải trả 2.000.000đồng phí vay tiền, đã trả được 12 ngày tổng số tiền 18.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,952%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 3.714.286 đồng và 2.000.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 328.767đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.385.519 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 5.385.519đồng.

3. Ông Phan Nguyễn Phước T3, ngày 27/5/2023 vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong thời hạn 24 ngày, mỗi ngày 500.000đồng, tổng số tiền phải trả là

12.000.000đồng, phí cho vay là 500.000đồng. Ông T3 đã trả được 2.500.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,833%/ngày, 304,045%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 416.667đồng, lãi hợp pháp là 27.397 đồng, lãi bất chính là 389.269 đồng.

4. Ông Lê Hoàng Trung H1, trong tháng 5/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong thời hạn 24 ngày, mỗi ngày 500.000đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000đồng, đã trả xong 01 lượt, lượt thứ hai trả được 17 ngày tổng số tiền 8.500.000đồng. Lãi suất 0,833%/ngày, 304,045%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 3.414.667 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 224.658đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.192.009 đồng.

5. Bà Nguyễn Thị Kim N, từ tháng 5 đến tháng 6/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 15.000.000đồng, phải trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 450.000đồng/ngày tổng số tiền phải trả cho 01 lượt vay là 18.900.000đồng, đã trả xong 01 lượt, lượt thứ hai trả được 02 ngày với số tiền 900.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,952%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 4.085.714 đồng và 700.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 361.643đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.724.071 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 4.424.071đồng.

6. Bà Nguyễn T4, ngày 16/5/2023 vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng. Đã trả được 10 ngày số tiền là 1.500.000đồng, lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,952%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 309.524đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 27.397đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 282.127 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 482.127đồng.

7. Bà Hà Tâm L2, ngày 02/5/2023 vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng. Đã trả được 31 ngày là 4.650.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,952%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 959.524đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 84.932đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 874.592 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.074.592đồng.

8. Bà Trương Thụy Thùy T5, vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 300.000đồng, số tiền phải trả 12.600.000đồng. Lượt thứ nhất vay ngày 25/5/2022, đã trả xong. Ngày 02/5/2023 vay lượt thứ 02, trả được 10 ngày với số tiền 3.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,952%/năm. Thực tế, tổng số tiền lãi thu được là 2.669.048đồng và 500.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 284.932đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.384.116 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 2.099.084đồng.

9. Ông Đào Văn L3, trong năm 2021 vay 02 lượt, lượt thứ nhất số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 100.000đồng, số tiền phải

trả 7.000.000đồng, đã trả xong khoản vay này. Lượt thứ 2 vay 10.000.000đồng, trả góp 70 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, chưa trả được ngày nào. Lãi suất cho vay là 0,571%/ngày, 208,5,71%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 2.000.000đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 191.781đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.808.219 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 2.008.219đồng.

10. Bà Phạm Trần Quan N1, từ tháng 3/2023 đến tháng 05/2023, vay 04 lượt, 02 lượt vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 6.000.000đồng, đã trả xong 02 lượt vay này. Lượt thứ 3 vay số tiền 7.000.000đồng trả trong 30 ngày, mỗi ngày 280.000đồng, số tiền phải trả là 8.400.000đồng, đã trả được 13 ngày, tổng số tiền 3.640.000đồng. 01 lượt vay số tiền 5.000.000đồng, đóng lãi mỗi ngày 50.000đồng, đã trả lãi được 60 ngày, số tiền 3.000.000đồng. Lãi suất cho vay đối với khoản vay trả góp là 0,667%/ngày, 243,455%/năm; đối với khoản vay trả lãi là 1%/ngày, 365%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 5.606.667đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 378.631đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 5.228.036đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 5.428.036đồng.

11. Ông Phạm Văn N2, từ tháng 3/2023 đến tháng 05/2023 vay 02 lượt, lượt thứ nhất vay số tiền 10.000.000đồng trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000đồng, số tiền phải trả 12.000.000đồng. Đã trả xong khoản vay này, lượt thứ 02 vay 15.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 600.000đồng, số tiền phải trả là 18.000.000đồng, đã trả được 09 ngày số tiền 5.400.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 2.900.000đồng và 500.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 238.357đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.661.643 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 3.161.643đồng.

12. Bà Lê Thị Hồng D1, từ tháng 4/2023 đến 06/2023 vay 03 lượt mỗi lượt vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000đồng, số tiền phải trả 12.000.000đồng. Đã trả xong được 02 lần, lượt thứ 03 trả được 05 ngày, số tiền 2.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 4.333.333đồng và 500.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 356.165đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.977.168 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 4.477.168đồng.

13. Bà Nguyễn Thị H2, ngày 26/5/2023 vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000đồng, số tiền phải trả 12.000.000đồng. Đã trả được 10 ngày là 4.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Tiền lãi thu được là 666.667đồng và 500.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 54.795đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 661.872đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.111.872đồng.

14. Ông Cao Thanh S, ngày 23/11/2022 vay số tiền 60.000.000đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 2.500.000đồng, số tiền phải trả là 75.000.000đồng, đã trả được 20 ngày, số tiền là 50.000.0000đồng. Lãi suất cho vay là 0,833%/ngày, 304,045%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 10.000.000đồng và 3.000.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 9.342.466 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 14.342.466đồng.

15. Ông Nguyễn Bình T6, ngày 20/5/2023 vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000đồng, số tiền phải trả 12.000.000đồng. Đã trả được 11 ngày số tiền 4.400.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Số tiền lãi thu được là 733.333đồng và 500.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 60.274đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 673.059 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.173.059đồng.

16. Bà Trương Thị Thu T7, ngày 17/3/2023 vay số tiền 15.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 450.000đồng, số tiền phải trả 18.900.000đồng. Đã trả được 30 ngày số tiền 13.500.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Số tiền lãi thu được là 2.785.714đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 246.575đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.539.139 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 2.739.139đồng.

17. Bà Lê Thị S1, từ tháng 5/2023 đến tháng 6/2023 vay 02 lượt, lượt thứ nhất vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 100.000đồng, số tiền phải trả 7.000.000đồng. Đã trả được 30 ngày, số tiền 3.000.000đồng. Lượt thứ 02 vay số tiền 10.000.000đồng, trả trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả là 14.000.000đồng, đã trả được 10 ngày số tiền 2.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,571%/ngày, 208,415%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 1.428.572đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 136.987đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.291.585 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.491.585đồng.

18. Bà Nguyễn Kim T8 ngày 22/4/2023 vay số tiền 8.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 320.000đồng, tổng số tiền phải trả là 9.600.000đồng, đã trả được 05 ngày, số tiền 1.600.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Số tiền lãi thu được là 266.667đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 21.918đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 244.749 đồng.

19. Ông Nguyễn Văn T9, ngày 23/5/2023 vay số tiền 6.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 180.000đồng, số tiền phải trả 7.560.000đồng. Đã trả được 11 ngày là 1.980.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Số tiền lãi thu được là 408.571đồng và 240.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 36.164đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 372.407 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 612.407đồng.

20. Bà Hồng Phổ Tường M, từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023 vay 04 lượt, mỗi lần vay 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 6.000.000đồng. Đã trả xong 03 lượt, lượt thứ 4 trả được 13 ngày số tiền 2.600.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 3.433.333đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 282.192đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.151.141 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 3.351.141đồng.

21. Ông Nguyễn Xuân L4, ngày 06/10/2021 vay số tiền 10.000.000đồng, đóng lãi mỗi ngày số tiền 83.334đồng, đã đóng được 120 ngày, tổng số tiền 10.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 25%/tháng, 300%/năm. Số tiền lãi thu được là 10.000.000đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 657.534đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 9.342.546 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 9.542.546đồng.

22. Bà Nguyễn Như N3, từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 6.000.000đồng. Đã trả xong lượt vay thứ nhất, lượt thứ 02 trả được 3 ngày số tiền 600.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667/ngày, 243,455%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 1.100.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 90.411đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.009.589 đồng.

23. Ông Nguyễn Lê Minh T10, tháng 4/2023 vay 30.000.000đồng, đóng lãi mỗi ngày 250.000đồng, đã trả lãi được 30 ngày số tiền 7.500.000đồng. Lãi suất cho vay là 25%/tháng, 300%/năm. Số tiền lãi thu được là 7.500.000 đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 493.151đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 7.006.849 đồng.

24. Ông Lê Phùng Minh Đ, ngày 28/5/2023 vay 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 6.000.000đồng. Đã trả được 08 ngày số tiền 1.600.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667/ngày, 243,455%/năm. Số tiền lãi thu được là 266.667đồng, không phải đóng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 21.918đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 244.749 đồng.

25. Ông Đỗ Phúc H3, từ tháng 5/2021 đến 6/2021 vay 02 lượt, mỗi lượt số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 14.000.000đồng/lượt vay. Đã trả xong lượt thứ nhất, lượt thứ 2 trả được 24 ngày số tiền 4.800.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,571%/ngày, 208,5,71%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 5.371.429đồng và 500.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 515.069đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 4.856.360 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 5.356.360đồng.

26. Ông Võ Phạm Q, từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2023 vay 03 lượt, mỗi lượt vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số

tiền phải trả 6.000.000đồng. Đã trả xong 02 lượt, lượt thứ 3 trả được 15 ngày số tiền 3.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667/ngày, 243,455%/năm. Số tiền lãi thu được là 2.500.000đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 205.480đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.294.520 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 2.494.520đồng.

27. Bà Nguyễn Thị Hải Đ1, ngày 11/5/2022 vay số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 14.000.000đồng. Đã trả xong khoản vay này. Lãi suất cho vay là 0,571%/ngày, 208,5,71%/năm. Số tiền lãi thu được là 4.000.000đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 383.562đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.616.438 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 3.816.438đồng.

28. Ông Phạm Ngọc Hải Đ2, từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 10.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000đồng, số tiền phải trả 12.000.000đồng. Đã trả xong lượt vay thứ nhất, lượt thứ 2 trả được 18 ngày số tiền 7.200.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Số tiền lãi thu được là 3.200.000đồng và 400.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 263.014đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.936.986 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 3.336.986đồng.

29. Ông Phan Quốc T11, ngày 15/10/2022 vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 100.000đồng, số tiền phải trả 7.000.000đồng. Đã trả được 60 ngày, số tiền 6.000.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,571%/ngày, 208,415%/năm. Số tiền lãi thu được là 1.714.286đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 164.384đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.549.902 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.749.902đồng.

30. Bà Phan Kim T12, từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2022 vay 02 lượt, lượt thứ nhất vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 70 ngày, mỗi ngày 100.000đồng, số tiền phải trả 7.000.000đồng. Đã trả được 20 ngày, số tiền 2.000.000đồng. Lượt thứ 02 vay số tiền 10.000.000đồng, trả trong vòng 60 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả là 12.000.000đồng, đã trả được 24 ngày số tiền 4.700.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,571%/ngày, 208,415%/năm đối với khoản vay 5.000.000đồng và 0,333%/ngày, 121,545%/năm đối với khoản vay 10.000.000đồng. Tổng số tiền lãi thu được là 1.354.762đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 183.562đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.170.200 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.371.200đồng.

31. Bà Đào Thị H4, vay 02 lượt, lượt thứ nhất ngày 09/7/2022 số tiền 10.000.000đồng, trả góp 120 ngày, mỗi ngày 100.000đồng, số tiền phải trả 12.000.000đồng. Đã trả được 27 ngày, số tiền 2.700.000đồng. Lượt thứ 02 ngày 21/3/2023 số tiền 5.000.000đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả là 6.000.000đồng, đã trả được 06 ngày số tiền 1.200.000đồng. Lãi

suất cho vay là 0,167%/ngày, 60,955%/năm đối với khoản vay 10.000.000đồng; 0,667%/ngày, 243,455%/năm đối với khoản vay 5.000.000đồng. Tổng số tiền lãi thu được là 650.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 164.383đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 485.617 đồng.

32. Bà Phan Thị T13, ngày 04/4/2022 vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 110.000đồng, số tiền phải trả 5.500.000đồng. Đã trả xong khoản vay. Lãi suất cho vay là 0,2%/ngày, 73%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 500.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 136.987đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 363.014 đồng.

33. Bà Nguyễn Thị Minh T14, ngày 03/5/2023 vay số tiền 3.000.000đồng, trả góp 30 ngày, mỗi ngày 120.000đồng, số tiền phải trả 3.600.000đồng. Đã trả xong khoản vay này. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Số tiền lãi thu được là 600.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 49.315đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 550.685 đồng.

34. Ông Trần Chí T15, từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2023 vay 02 lượt, lượt thứ nhất vay số tiền 7.000.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 280.000đồng, số tiền phải trả 8.400.000đồng, đã trả xong khoản vay này. Lượt thứ 02 vay số tiền 15.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày mỗi ngày 450.000đồng, đã trả được 14 ngày, số tiền 6.300.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm đối với khoản vay 7.000.000đồng và 0,619%/ngày, 225,935%/năm đối với khoản vay 1.5000.000đồng. Tổng số tiền lãi thu được là 2.700.000đồng và 750.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 230.136đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.469.864 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 3.219.864đồng.

35. Bà Nguyễn Thị M1, từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 5.000.000đồng, lượt thứ nhất trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả 6.000.000đồng, đã trả xong khoản vay này. Lượt thứ hai trả trong 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, đã trả được 15 ngày, số tiền 2.250.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm đối với lượt vay thứ nhất và 0,619%/ngày, 225,935%/năm đối với lượt vay thứ hai. Tổng số tiền lãi thu được là 1.464.286đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 123.288đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.340.998đồng.

36. Bà Tăng Thị Minh Đ3, từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 3.000.000đồng trả góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 120.000đồng, số tiền phải trả 3.600.000đồng, đã trả xong lượt vay thứ nhất. Lượt thứ hai được 26 ngày, số tiền 3.120.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,667%/ngày, 243,455%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 1.120.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 92.055đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.027.945đồng.

37. Bà Huỳnh Thị M2, từ tháng 3/2023 đến tháng 5/2023 vay 03 lượt, mỗi lượt vay số tiền 5.000.000đồng, lượt thứ nhất trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng, đã trả xong khoản vay này. Lượt thứ 02 và thứ 03 trả trong 30 ngày, mỗi ngày 200.000đồng, số tiền phải trả là 6.000.000đồng đã trả xong lượt thứ 02, lượt thứ 03 trả được 12 ngày, số tiền 2.400.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm đối với lượt vay thứ nhất và 0,667%/ngày, 243,455%/năm đối với lượt vay đối với 02 lượt vay còn lại. Tổng số tiền lãi thu được là 2.700.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 230.137đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.469.863đồng.

38. Bà Lâm Thị S2, ngày 12/3/2023 vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng, đã trả xong khoản vay này. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Số tiền lãi thu được là 1.300.000đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 115.068đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.184.932đồng.

39. Bà Phạm Thị Ngọc H5, ngày 08/4/2023 vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng, đã trả xong khoản vay này. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Số tiền lãi thu được là 1.300.000đồng và 200.000đồng phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 115.068đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 1.384.932đồng.

40. Bà Nguyễn Thanh Thúy N4, từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023 vay 03 lượt, mỗi lượt vay số tiền 30.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 900.000đồng, số tiền phải trả 37.800.000đồng, đã trả xong 02 lượt vay. Lượt thứ 03 trả được 06 ngày, số tiền 5.400.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 16.714.286đồng, phí vay là 1.500.000đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.479.452đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 15.234.834đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay là 16.734.834đồng.

41. Bà Nguyễn Thị T16 từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng, đã trả xong lượt thứ nhất. Lượt thứ 02 trả được 10 ngày, số tiền 1.500.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 1.609.524đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 142.165đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.467.359đồng.

42. Bà Đinh Thị O, từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023 vay 02 lượt, mỗi lượt vay số tiền 5.000.000đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, mỗi ngày 150.000đồng, số tiền phải trả 6.300.000đồng, đã trả xong khoản vay thứ nhất. Lượt thứ 02 trả được 19 ngày, số tiền 2.850.000đồng. Lãi suất cho vay là 0,619%/ngày, 225,935%/năm. Tổng số tiền lãi thu được là 1.888.095đồng, không phải trả phí vay, trong đó tiền lãi hợp pháp là 167.123đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.720.972đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính đối với 42 người vay nêu trên là 139.078.514 đồng đồng.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn có hành vi cho nhiều người dân vay với lãi suất lên đến 365%/năm và thu lợi bất chính số tiền 139.078.514 đồng. Do đó, cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T2 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Bị cáo D là người cầm đầu, rủ rê bị cáo T2 phạm tội. Bị cáo T2 có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", nay tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo T2 phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[7.1] Xe máy gắn biển số 36L1-24931, số khung RLHJA3929NY-090183, số máy JA39E2587099: Xe do ông Bùi Văn G đứng tên chủ sở hữu. Ông G khai đứng tên giúp cho người bạn là ông Quách Ngọc N5. Hiện nay, ông N5 không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra chưa tiến hành làm việc, ghi lời khai được. Nguyễn Văn D khai mua xe của người khác nhưng không làm giấy mua bán, không biết họ tên người bán. Do đó, cần giao cơ quan Thi hành án dân sự huyện H thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng để xác định chủ sở hữu. Hết thời hạn 06 tháng, nếu xác định chủ sở hữu thì giao trả, nếu không thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7.2] 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max có số sim 0963529990, 01 máy tính xách tay thu giữ của Nguyễn Văn D: D dùng vào việc cho vay lãi nặng nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

[7.3] 01 điện thoại di động hiệu Oppo A17, số Imel 864821068522410: Thu giữ của Nguyễn Văn T2 dùng vào việc liên lạc cho vay và thu tiền lãi nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

[7.4] 01 cuốn tập học sinh có 11 tờ ghi chép thông tin người vay tiền, trả tiền trong ngày và 07 cuốn sổ ghi chép thông tin người vay tiền, trả tiền từng ngày của từng khoản vay; 57 giấy vay tiền do người vay tiền tự viết cùng bản photo giấy căn cước công dân hoặc giấy tờ liên quan của người vay tiền dùng thế chấp khi vay tiền: Cần tịch thu lưu giữ hồ sơ vụ án;

[7.5] Đối với số tiền 2.500.000đồng: Tiền D mang theo tiêu xài cá nhân, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7.6] Đối với số tiền 11.229.840đồng là tiền lãi bị cáo D thu được tương ứng với mức lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật dân sự: Số tiền này tuy không tính để xác định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Do đó, buộc bị cáo D phải nộp lại số tiền 11.229.840đồng.

[7.7] Đối với số tiền bị cáo D thu lợi bất chính và tiền phí vay: Cần buộc bị cáo D trả lại cho người vay, cụ thể như sau:

Ông Trần Thanh L: 14.175.473 đồng;

Ông Trần Ngọc L1: 5.385.519đồng;

Ông Phan Nguyễn Phước T3: 889.269 đồng;

Ông Lê Hoàng Trung H1: 3.192.009 đồng;

Bà Nguyễn Thị Kim N: 4.424.071đồng;

Bà Nguyễn T4: 482.127đồng;

Bà Hà Tâm L2: 1.074.592đồng;

Bà Trương Thụy Thùy T5: 2.099.084đồng;

Ông Đào Văn L3: 2.008.219đồng;

Bà Phạm Trần Quan N1: 5.428.036đồng;

Ông Phạm Văn N2: 3.161.643đồng;

Bà Lê Thị Hồng D1: 4.477.168đồng;

Bà Nguyễn Thị H2: 1.111.872đồng;

Ông Cao Thanh S: 14.342.466đồng;

Ông Nguyễn Bình T6: 1.173.059đồng;

Bà Trương Thị Thu T7: 2.739.139đồng;

Bà Lê Thị S1: 1.491.585đồng;

Bà Nguyễn Kim T8: 244.749 đồng;

Ông Nguyễn Văn T9: 612.407đồng;

Bà Hồng Phổ Tường M: 3.351.141đồng;

Ông Nguyễn Xuân L4: 9.542.546đồng;

Bà Nguyễn Như N3: 1.009.589 đồng;

Ông Nguyễn Lê Minh T10: 7.006.849 đồng;

Ông Lê Phùng Minh Đ: 244.749 đồng;

Ông Đỗ Phúc H3: 5.356.360đồng;

Ông Võ Phạm Q: 2.494.520đồng;

Bà Nguyễn Thị Hải Đ1: 3.816.438đồng;

Ông Phạm Ngọc Hải Đ2: 3.336.986đồng;

Ông Phan Quốc T11: 1.749.902đồng;

Bà Phan Kim T12: 1.371.200đồng;

Bà Đào Thị H4: 485.617 đồng;

Bà Phan Thị T13: 363.014 đồng;

Bà Nguyễn Thị Minh T14: 550.685 đồng;

Ông Trần Chí T15: 3.219.864đồng;

Bà Nguyễn Thị M1: 1.340.998đồng.

Bà Tăng Thị Minh Đ3: 1.027.945đồng.

Bà Huỳnh Thị M2: 2.469.863đồng;

Bà Lâm Thị S2: 1.184.932đồng;

Bà Phạm Thị Ngọc H5: 1.384.932đồng;

Bà Nguyễn Thanh Thúy N4: 16.734.834đồng;

Bà Nguyễn Thị T16: 1.467.359đồng;

Bà Đinh Thị O: 1.720.972đồng.

[7.8] Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho bị cáo D, cần buộc người vay nộp lại sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

Ông Trần Thanh L: 22.380.952 đồng;

Ông Trần Ngọc L1: 35.714.285 đồng;

Ông Phan Nguyễn Phước T3: 7.916.666 đồng;

Ông Lê Hoàng Trung H1: 2.916.666 đồng;

Bà Nguyễn Thị Kim N: 14.285.717 đồng;

Bà Nguyễn T4: 3.809.523 đồng;

Bà Hà Tâm L2: 1.309.523 đồng;

Bà Trương Thụy Thùy T5: 7.619.048 đồng;

Ông Đào Văn L3: 10.000.000 đồng;
Bà Phạm Trần Quan N1: 8.966.667 đồng;
Ông Phạm Văn N2: 10.500.000 đồng;
Bà Lê Thị Hồng D1: 8.333.334 đồng;
Bà Nguyễn Thị H2: 6.666.666 đồng;
Ông Cao Thanh S: 20.000.000 đồng;
Ông Nguyễn Bình T6: 6.333.333 đồng;
Bà Trương Thị Thu T7: 4.285.714 đồng;
Bà Lê Thị S1: 11.428.571 đồng;
Bà Nguyễn Kim T8: 6.666.667 đồng;
Ông Nguyễn Văn T9: 4.428.571 đồng;
Bà Hồng Phổ Tường M: 2.833.333 đồng;
Ông Nguyễn Xuân L4: 10.000.000 đồng;
Bà Nguyễn Như N3: 4.500.000 đồng;
Ông Nguyễn Lê Minh T10: 30.000.000 đồng;
Ông Lê Phùng Minh Đ: 3.666.667 đồng;
Ông Đỗ Phúc H3: 6.571.429 đồng;
Ông Võ Phạm Q: 2.500.000 đồng;
Bà Nguyễn Thị Hải Đ1: 0 đồng;
Ông Phạm Ngọc Hải Đ2: 4.000.000 đồng;
Ông Phan Quốc T11: 714.285 đồng;
Bà Phan Kim T12: 9.571.429 đồng;
Bà Đào Thị H4: 11.750.000 đồng;
Bà Phan Thị T13: 0 đồng;
Bà Nguyễn Thị Minh T14: 0 đồng;
Ông Trần Chí T15: 10.000.000 đồng;
Bà Nguyễn Thị M1: 3.214.286 đồng.
Bà Tăng Thị Minh Đ3: 2.400.000 đồng.
Bà Huỳnh Thị M2: 3.571.429 đồng;
Bà Lâm Thị S2: 0 đồng;
Bà Phạm Thị Ngọc H5: 0 đồng;
Bà Nguyễn Thanh Thúy N4: 25.714.286 đồng;
Bà Nguyễn Thị T16: 3.809.524 đồng;
Bà Đinh Thị O: 3.214.286 đồng;

[7.9] Đối với số tiền nợ gốc người vay đã trả cho bị cáo D, cần buộc bị cáo D nộp lại sung quỹ Nhà nước, cụ thể như sau:

Ông Trần Thanh L: 47.619.047 đồng;

Ông Trần Ngọc L1: 14.285.714 đồng;

Ông Phan Nguyễn Phước T3: 2.083.333 đồng;

Ông Lê Hoàng Trung H1: 17.083.333 đồng;

Bà Nguyễn Thị Kim N: 15.714.285 đồng;

Bà Nguyễn T4: 1.190.476 đồng;

Bà Hà Tâm L2: 3.690.476 đồng;

Bà Trương Thụy Thùy T5: 12.380.952 đồng;

Ông Đào Văn L3: 5.000.000 đồng;

Bà Phạm Trần Quan N1: 13.033.333 đồng;

Ông Phạm Văn N2: 14.500.000 đồng;

Bà Lê Thị Hồng D1: 21 666.666 đồng;

Bà Nguyễn Thị H2: 3.333.333 đồng;

Ông Cao Thanh S: 40.000.000 đồng;

Ông Nguyễn Bình T6: 3666.667 đồng;

Bà Trương Thị Thu T7: 10.714.286 đồng;

Bà Lê Thị S1: 3.571.429 đồng;

Bà Nguyễn Kim T8: 1.333.333 đồng;

Ông Nguyễn Văn T9: 1.571.429 đồng;

Bà Hồng Phổ Tường M: 17.166.667 đồng;

Ông Nguyễn Xuân L4: 0 đồng;

Bà Nguyễn Như N3: 5.500.000 đồng;

Ông Nguyễn Lê Minh T10: 0 đồng;

Ông Lê Phùng Minh Đ: 1.333.333 đồng;

Ông Đỗ Phúc H3: 13.428.571 đồng;

Ông Võ Phạm Q: 12.500.000 đồng;

Bà Nguyễn Thị Hải Đ1: 10.000.000 đồng;

Ông Phạm Ngọc Hải Đ2; 16.000.000 đồng;

Ông Phan Quốc T11: 4.285.714 đồng;

Bà Phan Kim T12: 5.428.571 đồng;

Bà Đào Thị H4: 3.250.000 đồng;

Bà Phan Thị T13: 5.000.000 đồng;

Bà Nguyễn Thị Minh T14: 3.000.000 đồng;

Ông Trần Chí T15: 12.000.000đồng;

Bà Nguyễn Thị M1: 6.785.714 đồng.

Bà Tăng Thị Minh Đ3: 5.600.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị M2: 11.428.571 đồng;

Bà Lâm Thị S2: 5.000.000 đồng;

Bà Phạm Thị Ngọc H5: 5.000.000 đồng;

Bà Nguyễn Thanh Thúy N4: 64.285.714 đồng;

Bà Nguyễn Thị T16: 6.190.476 đồng;

Bà Đinh Thị O: 6.785.714 đồng;

Tổng cộng là: 452.407.137 đồng.

Đối với số tiền 64.329.959 đồng người vay trả vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn D: Do không xác định được số tiền này là của người vay nào trả cho bị cáo, không xác định được là tiền gốc hay tiền lãi nên số tiền 64.329.959 đồng được cấn trừ vào số tiền 452.407.137 đồng. Như vậy, cần tịch thu số tiền 64.329.959 đồng và buộc bị cáo D phải nộp lại số tiền 388.077.178 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D;

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T2;

Áp dụng Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", thời hạn tù được tính từ ngày 08/6/2023.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T2 01 (một) năm tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", thời hạn tù được tính từ ngày 08/6/2023.

3. Xử lý vật chứng:

3.1. Xe máy kiểu dáng Wave màu trắng gắn biển số 36L1-24931, số khung RLHJA3929NY-090183, số máy JA39E2587099: Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng để xác định chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Hết thời hạn 06 tháng, nếu xác định chủ sở hữu

hoặc người quản lý hợp pháp thì giao trả, nếu không xác định được thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn).

3.2. Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max có số sim 0963529990;

01 máy tính xách tay màu đen hiệu Acer Model No N19C1;

01 điện thoại di động hiệu Oppo A17, số imei 864821068522410.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn).

3.3. Tịch thu lưu giữ hồ sơ vụ án: 01 cuốn tập học sinh có 11 tờ ghi chép thông tin người vay tiền, trả tiền trong ngày; 07 cuốn sổ ghi chép thông tin người vay tiền, trả tiền từng ngày của từng khoản vay; 57 giấy vay tiền do người vay tiền tự viết; bản photo căn cước công dân, giấy tờ liên quan của người vay tiền dùng thế chấp khi vay tiền (đã lưu hồ sơ).

3.4. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.913.386 đồng và tiền lãi phát sinh (nếu có) được trích từ tài khoản của Nguyễn Văn D (số tài khoản 060179393983 tại Ngân hàng TMCP S5) vào tài khoản số 39490906167200000 của Công an huyện H mở tại kho bạc Nhà nước.

(Theo Công văn số 139/2023/CV-PGD KCNTB ngày 31/8/2023 của Ngân hàng TMCP S5 phòng giao dịch khu công nghiệp T).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 34.771.365 đồng và tiền lãi phát sinh (nếu có) được trích từ tài khoản của Nguyễn Văn D (số tài khoản 125147 tại Ngân hàng TMCP Á) vào tài khoản số 39490906167200000 của Công an huyện H mở tại kho bạc Nhà nước.

(Theo Công văn ngày 24/8/2023 của Ngân hàng TMCP Á).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 17.645.208 đồng và tiền lãi phát sinh (nếu có) được trích từ tài khoản của Nguyễn Văn D (số tài khoản 6886388888 tại Ngân hàng TMCP Á) vào tài khoản số 39490906167200000 của Công an huyện H mở tại kho bạc Nhà nước.

(Theo Công văn số 22/CV-NHL.23 ngày 24/8/2023 của Ngân hàng TMCP Á).

3.5. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D nộp lại số tiền 388.077.178 đồng sung quỹ Nhà nước.

3.6. Buộc những người có tên sau nộp lại tiền để sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

Ông Trần Thanh L: 22.380.952 đồng;

Ông Trần Ngọc L1: 35.714.285 đồng;

Ông Phan Nguyễn Phước T3: 7.916.666 đồng;
Ông Lê Hoàng Trung H1: 2.916.666 đồng;
Bà Nguyễn Thị Kim N: 14.285.717 đồng;
Bà Nguyễn T4: 3.809.523 đồng;
Bà Hà Tâm L2: 1.309.523 đồng;
Bà Trương Thụy Thùy T5: 7.619.048 đồng;
Ông Đào Văn L3: 10.000.000 đồng;
Bà Phạm Trần Quan N1: 8.966.667 đồng;
Ông Phạm Văn N2: 10.500.000 đồng;
Bà Lê Thị Hồng D1: 8.333.334 đồng;
Bà Nguyễn Thị H2: 6.666.666 đồng;
Ông Cao Thanh S: 20.000.000 đồng;
Ông Nguyễn Bình T6: 6.333.333 đồng;
Bà Trương Thị Thu T7: 4.285.714 đồng;
Bà Lê Thị S1: 11.428.571 đồng;
Bà Nguyễn Kim T8: 6.666.667 đồng;
Ông Nguyễn Văn T9: 4.428.571 đồng;
Bà Hồng Phổ Tường M: 2.833.333 đồng;
Ông Nguyễn Xuân L4: 10.000.000 đồng;
Bà Nguyễn Như N3: 4.500.000 đồng;
Ông Nguyễn Lê Minh T10: 30.000.000 đồng;
Ông Lê Phùng Minh Đ: 3.666.667 đồng;
Ông Đỗ Phúc H3: 6.571.429 đồng;
Ông Võ Phạm Q: 2.500.000 đồng;
Ông Phạm Ngọc Hải Đ2: 4.000.000 đồng;
Ông Phan Quốc T11: 714.285 đồng;
Bà Phan Kim T12: 9.571.429 đồng;
Bà Đào Thị H4: 11.750.000 đồng;
Ông Trần Chí T15: 10.000.000 đồng;
Bà Nguyễn Thị M1: 3.214.286 đồng.
Bà Tăng Thị Minh Đ3: 2.400.000 đồng.
Bà Huỳnh Thị M2: 3.571.429 đồng;
Bà Nguyễn Thanh Thúy N4: 25.714.286 đồng;
Bà Nguyễn Thị T16: 3.809.524 đồng;
Bà Đinh Thị O: 3.214.286 đồng;
3.7. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả lại:
Ông Trần Thanh L: 14.175.473 đồng;
Ông Trần Ngọc L1: 5.385.519đồng;
Ông Phan Nguyễn Phước T3: 889.269 đồng;

Ông Lê Hoàng Trung H1: 3.192.009 đồng;
Bà Nguyễn Thị Kim N: 4.424.071đồng;
Bà Nguyễn T4: 482.127đồng;
Bà Hà Tâm L2: 1.074.592đồng;
Bà Trương Thụy Thùy T5: 2.099.084đồng;
Ông Đào Văn L3: 2.008.219đồng;
Bà Phạm Trần Quan N1: 5.428.036đồng;
Ông Phạm Văn N2: 3.161.643đồng;
Bà Lê Thị Hồng D1: 4.477.168đồng;
Bà Nguyễn Thị H2: 1.111.872đồng;
Ông Cao Thanh S: 14.342.466đồng;
Ông Nguyễn Bình T6: 1.173.059đồng;
Bà Trương Thị Thu T7: 2.739.139đồng;
Bà Lê Thị S1: 1.491.585đồng;
Bà Nguyễn Kim T8: 244.749 đồng;
Ông Nguyễn Văn T9: 612.407đồng;
Bà Hồng Phổ Tường M: 3.351.141đồng;
Ông Nguyễn Xuân L4: 9.542.546đồng;
Bà Nguyễn Như N3: 1.009.589 đồng;
Ông Nguyễn Lê Minh T10: 7.006.849 đồng;
Ông Lê Phùng Minh Đ: 244.749 đồng;
Ông Đỗ Phúc H3: 5.356.360đồng;
Ông Võ Phạm Q: 2.494.520đồng;
Bà Nguyễn Thị Hải Đ1: 3.816.438đồng;
Ông Phạm Ngọc Hải Đ2: 3.336.986đồng;
Ông Phan Quốc T11: 1.749.902đồng;
Bà Phan Kim T12: 1.371.200đồng;
Bà Đào Thị H4: 485.617 đồng;
Bà Phan Thị T13: 363.014 đồng;
Bà Nguyễn Thị Minh T14: 550.685 đồng;
Ông Trần Chí T15: 3.219.864đồng;
Bà Nguyễn Thị M1: 1.340.998đồng.
Bà Tăng Thị Minh Đ3: 1.027.945đồng.
Bà Huỳnh Thị M2: 2.469.863đồng;
Bà Lâm Thị S2: 1.184.932đồng;
Bà Phạm Thị Ngọc H5: 1.384.932đồng;
Bà Nguyễn Thanh Thúy N4: 16.734.834đồng;
Bà Nguyễn Thị T16: 1.467.359đồng;
Bà Đinh Thị O: 1.720.972đồng.

3.8. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D nộp lại số tiền 11.229.840 đồng sung quỹ Nhà nước.

3.9. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 2.500.000đồng và tiền lãi phát sinh (nếu có).

(Theo Lệnh thanh toán ngày 24/7/2023 của Ngân hàng N6 chi nhánh H7).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Các bị cáo (có mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mai